Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 63, No 6 (2022) 107-114

LEARNING STYLE OF STUDENTS OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY AND SOME FACTORS RELATED IN 2022

Phan Huu Vinh[1,*], Tran Thi Kieu Oanh[1], Nguyen Duc Manh[1], Bui Thị Yen[1], Doan Thi Trang[1], Dang Cong Son[2], Le Minh Dat[3]

[1]*Training Institute of Preventive Medicine and Public Health - Hanoi Medical University - No.1 Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam*
[2]*Department of Psychology - Yale University - New Haven, USA*
[3]*Vietnam Public Health Association - No.06 Dang Van Ngu, Trung Tu, Dong Da, Hanoi, Vietnam*

Received 08/06/2022
Revised 26/07/2022; Accepted 08/09/2022

ABSTRACT

Aim: Describe the learning style of students at Hanoi Medical University in 2022; Describe some factors affecting the learning style of students at Hanoi Medical University in 2022.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study on students from the first to the sixth year of Hanoi Medical University.

Results: Among 330 students, 57.6% had unimodal PCOS (of which 24.6% was visual, 21.5% was auditory and 11.5% was motor) . In terms of multimodal PCH (42.4%), the combination of vision and hearing accounts for the highest proportion (13.9%). In the student's personality, both introverted and extroverted personalities (43.3%) prevailed. Students with good academic performance have 3.74 times higher rate of multimodal problem solving (95% CI: 1.28-10.91) than the group with good academic performance. This number in the weak group is 6.06 times (95%CI: 1.22-29.99). There is a strong correlation between personality and the choice of more or less learning styles. The introvert-only personality has a higher ratio of multimodal learning styles than the extrovert-only group, ranging from 0.32-0.98 with p=0.041.

Conclusion: Students with single-modal learning style account for a higher percentage than multi-modality. Correlation was found between learning style and personality, learning style and academic scores.

Keywords: Learning style, students, Hanoi Medical University.

*Corressponding author
Email address: phvinh2001@gmail.com
Phone number: (+84) 334 665 782
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i6.460

PHONG CÁCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN NĂM 2022

Phan Hữu Vinh[1,*], Trần Thị Kiều Oanh[1], Nguyễn Đức Mạnh[1], Bùi Thị Yến[1], Đoàn Thị Trang[1], Đặng Công Sơn[2], Lê Minh Đạt[3]

[1]Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng - Đại học Y Hà Nội - Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
[2]Khoa Tâm lý - Đại học Yale - New Haven, Hoa Kỳ
[3]Hội Y tế Công cộng Việt Nam - Số 06 P. Đặng Văn Ngữ, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 08 tháng 06 năm 2022
Chỉnh sửa ngày: 26 tháng 07 năm 2022; Ngày duyệt đăng: 08 tháng 09 năm 2022

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Mô tả phong cách học tập của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2022; Mô tả được một số yếu tố ảnh hưởng tới phong cách học tập của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2022.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên sinh viên từ năm nhất tới năm thứ sáu trường Đại học Y Hà Nội.

Kết quả: Trong 330 sinh viên, 57,6% có phong cách học tập (PCHT) là đơn phương thức (trong đó 24,6% là thị giác chiếm tỷ lệ lớn nhất, 21,5% là thính giác và 11,5% là vận động). Về PCHT đa phương thức (42,4%), có sự kết hợp giữa thị giác và thính giác chiếm tỷ lệ cao nhất (13,9%). Trong tính cách của sinh viên, có cả tính cách hướng nội và hướng ngoại (43,3%) chiếm ưu thế. Sinh viên học lực khá có tỷ lệ PCHT đa phương thức cao gấp 3,74 lần (95%CI: 1,28-10,91) so với nhóm có học lực giỏi. Con số này ở nhóm yếu là 6,06 lần (95%CI: 1,22-29,99). Có mối tương quan chặt chẽ giữa tính cách tới việc lựa chọn ít hay nhiều phong cách học tập. Tính cách chỉ hướng nội có tỷ lệ phong cách học tập đa phương thức cao hơn so với nhóm có tính cách chỉ hướng ngoại dao động từ 0,32-0,98 với p=0,041.

Kết luận: Sinh viên có phong cách học tập đơn phương thức chiếm tỷ lệ cao hơn so với đa phương thức. Có mối tương quan được tìm thấy giữa phong cách học tập và tính cách, phong cách học tập và điểm số học tập.

Từ khóa: Phong cách học tập, sinh viên, Đại Học Y Hà Nội.

*Tác giả liên hệ
Email: phvinh2001@gmail.com
Điện thoại: (+84) 334 665 782
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i6.460

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phong cách học tập (PCHT) là một yếu tố quan trọng, nền tảng của người học trong quá trình thu nhận dữ liệu và giải quyết vấn đề. Phong cách học tập mô tả phương pháp được sử dụng để xử lý thông tin của mỗi cá thể [1]. Mỗi phong cách học tập thường sẽ phản ánh chính xác tính cách cá nhân của từng sinh viên. Xác định phong cách học tập của học sinh cung cấp thông tin về sở thích cụ thể của họ. Hiểu được phong cách học tập có thể giúp giảng viên dễ dàng tạo, sửa đổi và phát triển chương trình giảng dạy và chương trình giáo dục hiệu quả hơn. Việc này có thể khuyến khích sự tham gia của sinh viên vào các chương trình và thúc đẩy họ đạt được kiến thức chuyên môn.2 Việc xác định các phương pháp mà sinh viên sử dụng để xử lý thông tin và phong cách học tập của họ cho phép các nhà giáo dục hỗ trợ tiến tới các mục tiêu cao hơn của đào tạo và đạt được tư duy phản biện cùng kỹ năng giải quyết vấn đề rộng rãi hơn [1]. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng các cá nhân thể hiện các cách tiếp cận khác nhau trong quá trình học tập và một chiến lược hoặc cách tiếp cận duy nhất không thể cung cấp các điều kiện học tập tối ưu cho tất cả các cá nhân [2].

Để lập kế hoạch hiệu quả và thực hiện hoạt động dạy - học một cách có hiệu quả, các nhà giáo dục cần biết học sinh sử dụng cách học nào [3]. Tuy nhiên tại nhiều nước đang phát triển, PCHT của sinh viên chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều và giảng viên, sinh viên còn khá "lạ lẫm" với thuật ngữ này. Nhiều giảng viên dạy dựa trên phong cách yêu thích của mình chứ chưa để ý đến PCHT của người học. Sinh viên thì đa phần học theo thói quen, sở thích của bản thân hoặc bắt chước theo bạn bè [4]. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mỗi sinh viên thường điều chỉnh sở thích học tập của mình phù hợp với môi trường học tập của họ [5] . Đó đều là những điều khó tránh khỏi và có thể gây ra sự khác biệt khi áp dụng phương pháp dạy học truyền thống tới bản thân sinh viên nói riêng cũng như mô hình đào tạo trong y tế nói chung.

Giáo dục y khoa Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu cấp thiết phải cập nhật và đổi mới phương pháp sư phạm nhằm đáp ứng ngày càng hiệu quả hơn nhu cầu của xã hội. Một vấn đề cấp bách nhất là cải tiến phương pháp dạy và học. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu tại Việt Nam tìm hiểu phong cách học của sinh viên y khoa. Xuất phát từ thực tế trên, nhóm chúng tôi quyết định tiến hành đề tài "Phong cách học tập của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2022" với 2 mục tiêu sau:

1. Mô tả phong cách học tập của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2022.

2. Mô tả được một số yếu tố ảnh hưởng tới phong cách học tập của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2022.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên từ Y1 đến Y6 trường Đại học Y Hà Nội và đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Địa điểm: Trường Đại học Y Hà Nội

- Thời gian: Từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 05 năm 2022.

- Thời gian thu thập số liệu: 03/03/2022- 03/04/2022

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

- Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{p\varepsilon^2} = 320$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết; $Z_{1-\alpha/2}$: Hệ số tin cậy mức 95%, tương ứng là 1,96; p= 0,348 (Theo kết quả của nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên vật lý trị liệu Thổ Nhĩ Kỳ phong cách học tập kiểu hợp tác chiếm 34,8%)[6]; Độ sai số tương đối ε = 0.15.

Cỡ mẫu tối thiểu được tính là: 320 sinh viên. Trên thực tế chúng tôi thu thập được 330 người.

- Phương pháp chọn mẫu**:** Thuận tiện.

2.5. Công cụ và phương pháp thu thập

- Bộ câu hỏi dựa trên bảng câu hỏi "Learning Style Survey" do Andrew D. Cohen, Rebecca L. Oxford và Julie C. Chi phát triển và được sử dụng để xác định một khía cạnh phong cách học tập của sinh viên: phương thức thị giác, thính giác hay xúc giác mà họ tiếp nhận thông tin tốt hơn.

- Bộ câu hỏi đã được kiểm định tại Việt Nam theo nghiên cứu "Language Learning Strategies of Vietnamese EFL Freshmen" của Bùi Thị Kiều Giang với hệ số Cronbach's Alpha = 0,982 [6]

- Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập online thông qua phần mềm KoboToolbox.

2.6. Biến số nghiên cứu

- Nhóm biến số thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: năm sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, năm học, ngành học, trung bình môn, đang sống cùng ai.

- Nhóm biến số mô tả phong cách học tập: phong cách học tập thị giác, thính giác, vận động.

- Nhóm biến số mô tả tính cách: Tính cách hướng nội, tính cách hướng ngoại.

2.7. Cách đánh giá áp dụng trong nghiên cứu

- Hướng dẫn chấm điểm phong cách học tập:

Có 3 phong cách học tập chính mà bộ câu hỏi đã đề ra: Thị Giác, Thính Giác và Xúc Giác. Mỗi lựa chọn tương ứng với số điểm quy ước. Tổng điểm mỗi phần dao động từ 10 – 50 điểm. Điểm ở phần nào cao thì phong cách học tập thiên về mục đó.

- Chấm điểm tính cách ảnh hưởng đến phong cách học tập:

Mỗi lựa chọn tương ứng với số điểm quy ước. Tổng điểm từ câu 1- câu 6 cao hơn thì tính cách hướng ngoại, còn từ câu 7- câu 12 cao hơn thì tính cách hướng nội.

2.8. Quản lý và phân tích số liệu: Số liệu được phân tích bằng phần mềm Stata 16.0. Các biến số được mô tả bằng tần số và tỉ lệ %.

2.9. Đạo đức nghiên cứu: Các thông tin thu thập được hoàn toàn bảo mật, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung	Nhóm cụ thể	Tổng (n=330)	Tỉ lệ %
Giới	Nam	113	34,2
	Nữ	217	65,8
Dân tộc	Kinh	317	96,1
	Khác	13	3,9
Tôn giáo	Không theo tôn giáo nào	308	93,3
	Phật giáo	12	3,7
	Thiên chúa giáo	10	3,0
	Đạo tin lành	0	0
	Khác	0	0
Năm học	Năm nhất	96	29,1
	Năm hai	58	17,6
	Năm ba	91	27,6
	Năm tư	30	9,1
	Năm năm	45	13,6
	Năm sáu	10	3,0

Thông tin chung	Nhóm cụ thể	Tổng (n=330)	Tỉ lệ %
Ngành học	Y đa khoa	62	18,8
	Răng hàm mặt	11	3,3
	Y học cổ truyền	10	3,0
	Y học dự phòng	115	34,9
	Y tế công cộng	76	23,0
	Điều dưỡng	6	1,8
	Dinh dưỡng	37	11,2
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6	1,8
	Khúc xạ nhãn khoa	7	2,1
Điểm trung bình tích lũy (điểm trung bình của kỳ trước)	Xuất sắc (9.0 - 10 điểm)	1	0,3
	Giỏi (8.0 - 8.9 điểm)	25	7,6
	Khá (7.0 - 7.9 điểm)	103	31,2
	Trung Bình (5.0 - 6.9 điểm)	190	57,6
	Yếu (4.0 - 4.9 điểm)	11	3,3
	Kém (< 4.0 điểm)	0	0
Đang sống cùng ai	Bố mẹ	96	29,1
	Bạn bè	153	46,4
	Một mình	64	19,4
	Khác	17	5,1

Trong tổng số 330 sinh viên từ năm nhất đến năm sáu trường Đại học Y Hà Nội, 65,8% là sinh viên nữ. Những người được hỏi chủ yếu là dân tộc Kinh và không theo tôn giáo nào. Phần lớn sinh viên trả lời khảo sát học ngành Y học dự phòng và Y tế công cộng. Điểm trung bình của sinh viên tập trung ở mức trung bình (5.0 - 6.9 điểm) và mức khá (7.0 - 7.9 điểm). Đa số sinh viên đang sinh sống cùng bạn bè (46,4%) hoặc bố mẹ (29,1%), chỉ ít sống một mình (19,4%).

3.2. Phong cách học tập của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2: Phong cách học tập của sinh viên Đại học Y Hà Nội

Phong cách học tập	n=330	%
Thị giác	81	24,6
Thính giác	71	21,5
Vận động	38	11,5
Thị giác-Thính giác	46	13,9
Thị giác-Vận động	19	5,8
Thính giác-Vận động	30	9,1
Thị giác-Thính giác-Vận động	45	13,6

Trong bảng 2, cho thấy 57,6 % sinh viên có phong cách học đơn phương thức trong đó thị giác (24,6%) và thính giác (21,5%) được ưa thích nhất, 42,4% thích phong cách học tập đa phương thức.

Bảng 3: Tính cách của đối tượng nghiên cứu

Tính cách	n=330	%
Chỉ hướng nội	86	26,1
Chỉ hướng ngoại	101	30,6
Hướng nội-Hướng ngoại	143	43,3

Theo bảng 3, chỉ ra rằng đa số sinh viên Y là người vừa hướng nội và hướng ngoại (43,3%) và 30,6% người là hướng ngoại và chỉ có 26,1% người có tính cách hướng nội.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến phong cách học tập

Bảng 4: Một số yếu tố liên quan đến số lượng phong cách học tập

Nội dung		Phương thức PCHT		OR (95%CI)	p
		1 PCHT	> 1 PCHT		
Điểm trung bình tích lũy	Giỏi (8.0-8.9 điểm)	20	5	1	-
	Xuất sắc (9.0-10 điểm)	0	1	-	-
	Khá (7.0-7.9 điểm)	54	49	3,74 (1,28-10,91)	0,016*
	Trung bình (5.0-6.9 điểm)	112	78	2,71 (0,96-7,64)	0,059
	Yếu (4.0-4.9 điểm)	4	7	6,06 (1,22-29,99)	0,027*
	Kém (< 4.0 điểm)	0	0	-	-
Hướng nội (có hướng nội so với không có hướng nội)		120	109	2,4 (1,39-4,14)	0,002*
Tính cách	Chỉ hướng ngoại	70	31	1	-
	Chỉ hướng nội	52	34	0,56 (0,32-0,98)	0,041*
	Cả hướng nội và hướng ngoại	68	75	-	-

Từ bảng 4, ta có thể thấy rằng sinh viên có điểm trung bình ở mức khá và yếu có tỷ lệ PCHT đa phương thức lần lượt gấp 3,74 (OR=3,74; 95%CI:1,28-10,91) và 6,06 (OR=6,06; 95%CI: 1,22-29,99) lần sinh viên có điểm trung bình ở mức giỏi (p<0,05). Tỷ lệ PCHT đa phương thức ở nhóm sinh viên có tính cách hướng nội cao gấp 2,4 lần (95%CI: 1,39-4,14, có ý nghĩa thống kê p<0,05) so với những người không có tính hướng nội. Ở những sinh viên có tính cách chỉ hướng nội có sự khác biệt về tỷ lệ PCHT đa phương thức gấp 0,56 lần sinh viên có tính cách chỉ hướng nội (p<0,05; OR=0,56; 95%CI: 0,32-0,98).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên 330 sinh viên y từ năm nhất đến năm sáu ở 9 ngành khác nhau. Nghiên cứu này nhằm xác định và mô tả phong cách học tập, các yếu tố liên quan đến phong cách học tập của sinh viên Đại học Y Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra, 57,6% sinh viên có PCHT đơn phương thức, đa phương thức chiếm 42,4%. Kết quả này khác so với nghiên cứu của Ayesha Fahim và cộng sự trên sinh viên Y ở Pakistan, chỉ ra PCHT đơn phương thức chiếm 39,4%, đa phương thức chiếm 60,6% [7]. Các nghiên cứu khác cũng báo cáo rằng hầu hết sinh viên y khoa hoặc khoa học sức khỏe ưa thích phương thức học tập đa phương thức hơn là phương pháp học tập đơn phương thức.[8] Trong PCHT đơn phương thức thị giác được sử dụng nhiều nhất chiếm 24,6%, sau đó là thính giác chiếm 21,5%, và vận động là thấp nhất với 11,5%. Kết quả này khác biệt so với nghiên cứu trên sinh viên y khoa tại Thái Lan của Salilthip và cộng sự, trong các PCHT cách học tập vận động được lựa chọn nhiều nhất 12,1% và cách ít được lựa chọn nhất là thị giác 4,3 % [8]. Nguyên nhân cho sự khác biệt này có thể do sự khác biệt giữa vị trí địa lý, văn hóa và môi trường giáo dục giữa các khu vực.

Trong khảo sát của chúng tôi, sinh viên chủ yếu có cả tính cách hướng nội và hướng ngoại (43,3%), số sinh viên chỉ có tính cách hướng nội hoặc hướng ngoại, có tỉ lệ thấp hơn lần lượt là 26,1% và 30,6% . Ở nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Thảo trên sinh viên trường Quốc tế Đại học Thái Nguyên về tính cách hướng nội, hướng ngoại chúng tôi thấy có sự khác biệt rõ rệt, ở nghiên cứu này, sinh viên có tính chất hướng nội chiếm 35%, và hướng ngoại chiếm 65%, không có sinh viên đồng thời có cả hai phong cách hướng nội và hướng ngoại [9]. Có thể vì Y khoa là một ngành đặc thù, có khối lượng kiến thức cần học tập lớn và thiếu sự thực hành lâm sàng qua phương thức học trực tuyến khiến cho sinh viên hình thành sự kết hợp giữa 2 tính cách này.

Thêm vào đó nghiên cứu này còn cho thấy mối tương quan giữa điểm trung bình ở mức khá và yếu có tỷ lệ PCHT đa phương thức lần lượt gấp 3,74 và 6,06 lần sinh viên có điểm trung bình ở mức giỏi (p<0,05).

Tỷ lệ PCHT đa phương thức ở nhóm sinh viên có tính cách hướng nội cao gấp 2,4 lần (95%CI: 1,39-4,14, có ý nghĩa thống kê p<0,05) so với những người không có tính hướng nội. Ở những sinh viên có tính cách chỉ hướng nội có sự khác biệt về tỷ lệ PCHT đa phương thức gấp 0,56 lần sinh viên có tính cách chỉ hướng nội (p<0,05). Điều này chứng tỏ sinh viên Y có phong cách học tập đa phương thức thích hướng nội hơn, họ thường chú ý quan sát tỉ mỉ hơn, thận trọng với những quyết định cá nhân và có thể tập trung làm việc một mình. Nghiên cứu của chúng tôi cũng báo cáo rằng không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giới, dân tộc và tôn giáo ảnh hưởng tới phong cách học tập của sinh viên.

Hạn chế của nghiên cứu là cỡ mẫu nhỏ, chỉ trên đối tượng sinh viên trường đại học Y Hà Nội và đa số đối tượng tham gia nghiên cứu thuộc Y1, Y2, Y3 của ngành Y học dự phòng và Y tế Công Cộng nên không có tính đại diện cho toàn bộ sinh viên Y. Ngoài ra, chưa có nhiều nghiên cứu về chủ đề này để có thể so sánh đánh giá các yếu tố liên quan.

5. KẾT LUẬN

Trong 330 sinh viên, 57,6% có PCHT là đơn phương thức (trong đó 24,6% là thị giác chiếm tỷ lệ lớn nhất, 21,5% là thính giác và 11,5% là vận động). Về PCHT đa phương thức (42,4%), có sự kết hợp giữa thị giác và thính giác chiếm tỷ lệ cao nhất (13,9%). Trong tính cách của sinh viên, có cả tính cách hướng nội và hướng ngoại (43,3%) chiếm ưu thế. Sinh viên học lực khá có tỷ lệ PCHT đa phương thức cao gấp 3,74 lần (95%CI: 1,28-10,91) so với nhóm có học lực giỏi. Con số này ở nhóm yếu là 6,06 lần (95%CI: 1,22-29,99). Có mối tương quan chặt chẽ giữa tính cách tới việc lựa chọn ít hay nhiều phong cách học tập. Tính cách chỉ hướng nội có tỷ lệ phong cách học tập đa phương thức cao hơn

so với nhóm có tính cách chỉ hướng ngoại dao động từ 0,32-0,98 với p=0,041.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lau WWF, Yuen AHK, Gender differences in learning styles: Nurturing a gender and style sensitive computer science classroom. Australas J Educ Technol, 26(7), 2010.

[2] Brown T, Zoghi M, Williams B et al., Are learning style preferences of health science students predictive of their attitudes towards e-learning?. Australas J Educ Technol, 25(4), 2009.

[3] Koohestani HR, Soltani ASK, Ahmadi F, The Paradox of Acceptance and Rejection: the Perception of Healthcare Professional Students about Mobile Learning Acceptance in Iran University of Medical Sciences. Qual Res Educ, 7(2), 144, 2018.

[4] Nguyễn Văn Bắc, Nguyễn Thị Hà, Phong cách học tập của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. <https://tailieu.vn/doc/phong-cach-hoc-tap-cua-sinh-vien-truong-dai-hoc-kinh-te-dai-hoc-hue-2020382.html>, accessed: 09/28/2022.

[5] AlKhasawneh E, Using VARK to assess changes in learning preferences of nursing students at a public university in Jordan: Implications for teaching. Nurse Educ Today, 33(12), 1546–1549, 2013.

[6] Giang BTK, Tuan VV, Language Learning Strategies of Vietnamese EFL Freshmen. Arab World Engl J, 9(3), 61–83, 2018.

[7] Ayesha Fahim Identification of Preferred Learning Style of Medical and Dental Students Using VARK Questionnaire. <https://www.hindawi.com/journals/bmri/2021/4355158/>, accessed: 09/14/2022.

[8] Paiboonsithiwong S, Kunanitthaworn N, Songtrijuck N et al., Learning styles, academic achievement, and mental health problems among medical students in Thailand. J Educ Eval Health Prof, 13, 2016.

[9] Nguyễn Thị Phương Thảo, Nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên năm nhất tại khoa quốc tế - Đại học Thái Nguyên. TNU J Sci Technol, 226(09), 22–29, 2021.